

Bản án số: **47/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/10/2019

V/v: yêu cầu “Không công
nhận là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC – TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Quang Xuân

2. Ông Trịnh Công Kiều

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án

Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Ông Đoàn Văn Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu L xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 164/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/ 8 /2019 về việc yêu cầu “không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/ 9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2019 giữa các đương sự,

***Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm 1969

Quê quán: xã M L, huyện Hậu L, tỉnh Thanh Hóa.

Đơn vị công tác: Phân kho 14, Kho 661, Cục X D, Tổng cục Hậu Cần.

Địa chỉ: Khu phố Th Nh, thị trấn R Th , huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

***Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị D – Sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn M Q, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D có mặt.

NỘI D VU ÁN

****Theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:***

-Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/1991 tại thôn L Q, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa nhưng không đăng ký kết hôn. Anh và chị D chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hằng ngày. Mâu thuẫn kéo dài cho

đến năm 2015 thì anh và chị D ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm đối với chị D không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh quan hệ giữa anh và chị D là vợ chồng.

-*Về con chung*: Anh và chị D có hai con chung là Nguyễn Thị Hương, sinh ngày 26/11/1992 và Nguyễn Quỳnh Mai, sinh ngày 15/5/1996. Các con đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

-*Về tài sản chung*: Anh và chị D có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về nợ chung*: Anh và chị D không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

****Theo bị đơn chị Nguyễn Thị D:***

Việc chị và anh H tự nguyện chung sống như vợ chồng đúng như anh H trình bày, hai bên tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/1991 tại thôn L Q, xã M L nhưng không đăng ký kết hôn.

Chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống và trong sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra anh H còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 2/2016 anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh H đề nghị giải Quyết không công nhận chị và anh H là vợ chồng chị cũng xác định tình cảm không còn nên cùng đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh H là vợ chồng.

-*Về con chung*: Chị và anh H có hai con chung là Nguyễn Thị Hương, sinh ngày 26/11/1992 và Nguyễn Quỳnh Mai, sinh ngày 15/5/1996. Các con đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

-*Về tài sản chung*: Chị và anh H có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về nợ chung*: Chị và anh H không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị D đề nghị Tòa án giải Quyết theo Q định của pháp luật.

****Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

+Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật Q định, đã xác M tại địa phương về việc anh H, chị D tự nguyện chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký đúng như các đương sự trình bày.

+Về giải Quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271, 273 BLTTDS.

Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị Quyết 326/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, tuyên xử: Không công nhận là vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H

và chị Nguyễn Thị D. Về con chung, không xem xét; Về tài sản công nợ: Không xem xét. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo Q định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm Qền giải Qết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H và bị đơn chị Nguyễn Thị D là tranh chấp “ *Hôn nhân và gia đình*” bị đơn có hộ khẩu và thường trú tại thôn M Q, xã M L, huyện Hậu L tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với hai bên đương như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ngày 10/9/2019 Tòa án Qết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 26/9/2019, thì ngày 24/9/2019 chị D xuất trình một giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, ghi ngày 20/12/1991 nhưng không có số, không có chữ ký của người vợ và chỉ có chữ ký của người chồng. Sau đó Tòa án đã công khai chứng cứ trên đối với anh H. Anh H giải thích, khi tổ chức đám cưới xong thì anh phải đi công tác luôn nên không đến UBND xã để đăng ký kết hôn, chữ ký của người chồng trong giấy đăng ký kết hôn mà chị D giao nộp cho Tòa án là không phải chữ ký của anh. Các biên bản xác M ngày 06/9/2019 và ngày 10/10/2019 tại UBND xã M L xác định đã kiểm tra trong sổ lưu đăng ký kết hôn tại địa phương thì không có tên của anh H và chị D trong sổ đăng ký, đến thời điểm hiện tại thì anh H và chị D vẫn chưa đăng ký kết hôn. Như vậy tờ giấy đăng ký kết hôn mà chị D giao nộp cho Tòa án là không hợp pháp.

Tại phiên tòa ngày 26/9/2019 chị D vắng mặt lần thứ Nh không có lý do, nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất, và quyết định mở phiên Tòa lần thứ hai vào ngày 25/10/2019, anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn H.

[3] Về nội D vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vì vụ án thuộc trường hợp không được hòa giải nên anh H và chị D đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

+ *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị D tự nguyện về chung sống với nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của người Việt Nam từ tháng 11/1991, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy là hôn nhân không hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 21 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị D cho rằng anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, nên mâu thuẫn vợ chồng cứ diễn ra như vậy trong một thời gian dài không thể khắc phục được, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2015, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh H xét thấy tình cảm giữa anh và chị D không thể hàn gắn được nữa, nên anh đề nghị Tòa án giải Quyết không công nhận anh và chị D là vợ chồng. Tại phiên Tòa chị D không đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét giải Quyết.

Xét thấy anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị D đã có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau, tự nguyện về sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của người Việt Nam, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hai bên bất đồng về quan điểm nên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên anh chị đã phải sống ly thân từ tháng 02/2015 đến nay, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, nay anh H làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị D là vợ chồng. Mặc dù vụ án thuộc trường hợp không được hòa giải, tuy nhiên anh H và chị D đã có thời gian dài chung sống với nhau, nếu anh chị vẫn còn yêu thương nhau và bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn thì anh chị có thể quay về đi đăng ký kết hôn và chung sống cùng nhau. Nhưng anh H xác định tình cảm giữa anh và chị D không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận anh và chị D là vợ chồng.

Xét về điều kiện kết hôn thì chị D và anh H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị D là phù hợp với pháp luật.

+ *Về con chung*: Anh H và chị D xác định: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Hương, sinh ngày 26/11/1992 và Nguyễn Quỳnh Mai, sinh ngày 15/5/1996. Các cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, anh H và chị D không yêu cầu Tòa án xem xét, nên HĐXX không xem xét.

+ *Về tài sản chung*: Anh H và chị D xác định: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này anh H và chị D có yêu cầu thì anh H và chị D có quyền khởi kiện về tài sản bằng vụ án dân sự khác.

+ *Về nợ chung*: Anh H và chị D xác định vợ chồng không có gì cho ai vay và cũng không vay nợ ai thứ tài sản gì, không yêu cầu giải Quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH

***Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

-Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H đối với chị Nguyễn Thị D.

***Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị D.

***Về án phí:** Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0005582 ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hậu L.

***Về Quyền kháng cáo:** Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) bản án được niêm yết tại địa phương nơi anh chị cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hậu L;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hậu L;
- UBND xã ML;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Chuyên

